TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/7/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí;

2. Ông Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/03/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thùy L**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Lê Gia H**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số 2/30, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/05/2023, nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn với nhau vào ngày 20/08/2020, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống; Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên bà đã cố gắng hàn gắn với ông H nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đã suy nghĩ rất kỹ để đi đến quyết định ly hôn với ông Nguyễn Lê Gia H.

Về con chung: Bà xác định có 01 con chung tên Nguyễn Linh C, sinh ngày 18/06/2020. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C; Tạm thời không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Lê Gia H đã được tống đạt giấy triệu tập và các văn bản theo trình tự tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H, giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Bà Bùi Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Lê Gia H và đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, con chung".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Qua xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Lê Gia H có địa chỉ cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về thủ tục tố tụng khác*: Bà Bùi Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, còn bị đơn ông Nguyễn Lê Gia H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Bùi Thị Thùy L và ông Nguyễn Lê Gia H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89/2020, ngày 20/08/2020. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp.

Bà L khai sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn quan tâm nhau.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 11 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ xác định không có biết mâu thuẫn của bà L và ông H vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho ông H nhưng ông H không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này chứng tỏ ông H đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ quan hệ hôn nhân với bà L. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, bà L được ly hôn ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà L xác định có 01 con chung tên Nguyễn Linh C, sinh ngày 18/06/2020. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C; Tạm thời không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, cháu C từ nhỏ đã sinh sống cùng mẹ, bà L có công việc, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu C; Vì vậy, để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày và học tập của cháu C nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nên ghi nhận, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông H không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến nên không đủ cơ sở xác định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đối với phần tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy L đối với ông Nguyễn Lê Gia H.

Cho bà Bùi Thị Thùy L được ly hôn ông Nguyễn Lê Gia H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Linh C, sinh ngày 18/06/2020 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Đồng thời, ông H vắng mặt không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006748 ngày 09/03/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Thùy L, ông Nguyễn Lê Gia H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa